

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2017

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyến

Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Ngọc Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Mai Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 228/2017/TLST - HNGĐ ngày 09/8/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/9/2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1986**

*** Bị đơn: Chị Đào Thị H, sinh năm 1989**

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Long T, huyện P, tỉnh Bình Phước

Anh T có mặt, chị H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn anh Trần Ngọc T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc T và chị Đào Thị H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long T, huyện B (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước ngày 29/9/2010.

Cuộc sống chung hạnh phúc của vợ chồng anh chỉ diễn ra trong thời gian rất ngắn là nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống với nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng không nói chuyện với nhau được vì cứ nói chuyện với nhau là cãi nhau. Do cuộc sống chung vợ chồng không H phúc nên anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2013, chị H đưa con về nhà ngoại ở. Khoảng 1, 2 năm đầu anh vẫn hay qua lại thăm con và nói chuyện với chị H, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng sau đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách nên từ 02 năm nay anh thỉnh thoảng vẫn đến thăm con nhưng không nói chuyện với chị H nữa. Vợ chồng anh sống ly thân nhau đã gần 5 năm nay, không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, tình cảm giành cho nhau không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 29/10/2010. Khi ly hôn, đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 8 năm 2017 bị đơn chị Đào Thị H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện sau khi có thời gian tìm hiểu nhau 02 năm. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long T, huyện B (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước.

Sau khi kết hôn, anh chị chỉ chung sống hạnh phúc được vài tháng đầu thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T nghiện rượu, ngày nào cũng uống rượu say và cứ uống rượu vào là anh T lại tìm có gây sự với chị, thường hay đánh đập chị, có lần còn đốt xe máy và quần áo của chị. Bản thân chị và gia đình chị đã nhiều lần khuyên bảo anh T và tạo điều kiện kinh tế để vợ chồng làm ăn nhưng anh T vẫn không thay đổi, vẫn nghiện rượu và thiếu trách nhiệm với vợ con, không chu cấp tiền nuôi con ăn học. Do cuộc sống vợ chồng vô cùng căng thẳng nên đầu năm 2013 chị đã đưa con về ở với bố mẹ đẻ. Thời gian đầu khi mới sống ly thân nhau, vợ chồng chị cũng

có vài lần gặp nhau nói chuyện, tìm cách khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau nhưng không có kết quả. Từ hơn 3 năm nay, vợ chồng chị đều không có ý định về đoàn tụ với nhau nữa. Cả hai vợ chồng chị đều không quan tâm đến nhau, sống riêng, kinh tế riêng. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm giành cho nhau không còn nữa nhưng vì chị là người công giáo không được phép ly hôn nên chị không đồng ý ly hôn với anh T mà việc giải quyết cho vợ chồng ly hôn hay không là do Tòa án quyết định theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Gia K, sinh ngày 29/10/2010. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H có đơn từ chối không tham gia hòa giải tại Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành thủ tục hòa giải đối với chị và anh T theo quy định của pháp luật.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa đại, diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc T, xử cho anh Trần Ngọc T được ly hôn với chị Đào Thị H. Giao con chung cho chị H nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn anh Trần Ngọc T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Đào Thị H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn có nơi cư trú tại xã Long T, huyện P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

Bị đơn chị Đào Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Đào Thị H.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc T và chị Đào Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long T, huyện Bù Gia Mập (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước vào ngày 29/9/2010. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Cả anh T và chị H đều thừa nhận cuộc sống chung của anh chị chỉ hạnh phúc được vài tháng đầu là đã phát sinh mâu thuẫn. Tuy nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị trình bày không giống nhau nhưng anh chị đều xác định vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2013 đến nay, vợ chồng sống riêng, kinh tế riêng, không quan tâm đến nhau và cũng không có ý định quay về chung sống với nhau. Chị H cũng thừa nhận tình cảm chị giành cho anh T không còn nhưng vì là người công giáo không được phép ly hôn nên chị không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy anh chị đã sống ly thân nhau gần 5 năm, tình cảm vợ chồng giành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị H của anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 người con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 29/10/2010. Chị H có quan điểm nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung vì từ khi vợ chồng chị sống ly thân nhau đến nay cháu vẫn ở với chị. Anh T cũng đồng ý với quan điểm về con chung của chị H nên Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc T. Anh Trần Ngọc T được ly hôn chị Đào Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 29/10/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Trần Đình T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn), đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 025987 ngày 09/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND H. P;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Đinh Thị Hải